



Flashcardo.com

Мы надеемся, что эти печатные карточки будут полезны для вас. Чтобы найти ещё больше карточек, зайдите на наш сайт [www.flashcardo.com/ru](http://www.flashcardo.com/ru). На Flashcardo.com мы предоставляем онлайн-карточки, карточки с интервальным повторением, видео-карточки и многое другое. Всё бесплатно и готово к использованию учащимися по всему миру.

### Авторские права, лицензионные примечания

Этот PDF защищён законом об авторском праве, и все права защищены. Вы можете свободно делиться этим PDF с кем угодно. Однако вам не разрешается продавать этот PDF или его содержимое. Если у вас есть вопросы, пожалуйста, зайдите на [www.flashcardo.com/ru](http://www.flashcardo.com/ru), чтобы связаться с нами. Спасибо!

### Отказ от ответственности

ДАННЫЙ PDF ПРЕДОСТАВЛЯЕТСЯ «КАК ЕСТЬ», БЕЗ КАКИХ-ЛИБО ГАРАНТИЙ, ЯВНЫХ ИЛИ ПОДРАЗУМЕВАЕМЫХ, ВКЛЮЧАЯ, НО НЕ ОГРАНИЧИВАЯСЬ ГАРАНТИЯМИ ТОВАРНОЙ ПРИГОДНОСТИ, СООТВЕТСТВИЯ КОНКРЕТНОЙ ЦЕЛИ И НЕНАРУШЕНИЯ ПРАВ. НИ ПРИ КАКИХ ОБСТОЯТЕЛЬСТВАХ АВТОРЫ ИЛИ ПРАВООБЛАДАТЕЛИ НЕ НЕСУТ ОТВЕТСТВЕННОСТИ ЗА КАКИЕ-ЛИБО ПРЕТЕНЗИИ, УБЫТКИ ИЛИ ИНУЮ ОТВЕТСТВЕННОСТЬ, НЕЗАВИСИМО ОТ ТОГО, ВОЗНИКАЮТ ЛИ ОНИ В РЕЗУЛЬТАТЕ ДОГОВОРА, ДЕЛИКТА ИЛИ ИНЫМ ОБРАЗОМ, ВОЗНИКШИЕ ИЗ, ИЗ-ЗА ИЛИ В СВЯЗИ С ЭТИМ PDF, ЕГО ИСПОЛЬЗОВАНИЕМ ИЛИ ИНЫМИ ДЕЙСТВИЯМИ С НИМ.

Авторские права © 2025 Flashcardo.com. Все права защищены

## Двусторонняя печать

Обратите внимание, что эти карточки предназначены для двусторонней печати. Если ваш принтер не поддерживает двустороннюю печать, пожалуйста, скачайте PDF-файлы с отдельными карточками для печати.

## ОСНОВЫ



tôi

bạn  
đại từ

anh ấy

cô ấy

nó

chúng tôi / chúng ta

các bạn

họ

cái gì

ai

ở đâu

tại sao

làm sao

cái nào

lúc nào

sau đó

nếu

thật sự

nhưng

bởi vì

không

ОН

ТЫ

Я

МЫ

ОНО

ОНА

ЧТО

ОНИ

ВЫ

ЗАЧЕМ

ГДЕ

КТО

КОГДА

КАКОЙ

КАК

НА САМОМ ДЕЛЕ

ЕСЛИ

ТОГДА

НЕ

ПОТОМУ ЧТО

НО

này

đó  
vật

tất cả

hoặc

và

đây

đó  
địa điểm

trái

phải

bây giờ

buổi chiều

buổi sáng  
9:00-11:00

ban đêm

buổi sáng  
6:00-9:00

buổi tối

buổi trưa

nửa đêm

giờ

phút

giây

ngày

все

что

это

здесь

и

или

правый

левый

там

первая половина дня

вторая половина дня

сейчас

вечер

утро

ночь

час

полночь

полдень

день

секунда

минута

tuần

tháng

năm

hôm qua

hôm nay

ngày mai

thứ hai  
ngày

thứ ba  
ngày

thứ tư  
ngày

thứ năm

thứ sáu

thứ bảy

chủ nhật

đàn bà

đàn ông

tình yêu

bạn trai

bạn gái

bạn  
danh từ

hôn  
danh từ

tình dục

год

месяц

неделя

завтра

сегодня

вчера

среда

вторник

понедельник

суббота

пятница

четверг

мужчина

женщина

воскресенье

девушка

парень

любовь

секс

поцелуй

друг

trẻ em

con gái  
đại cường

con trai  
đại cường

mẹ

ba

má  
mẹ

cha

cha mẹ

con trai  
gia đình

con gái  
gia đình

em gái

em trai

chị gái

anh trai

chồng

vợ

mỗi / mọi

luôn luôn

thực ra

lần nữa

đã

мальчик

девочка

ребенок

мать

папа

мама

сын

родители

отец

младший брат

младшая сестра

дочь

муж

старший брат

старшая сестра

всегда

каждый

жена

уже

снова

на самом деле

ít hơn

phần lớn

nhiều hơn

không có

rất

ở ngoài

ở trong

xa

gần

bên dưới

bên trên

bên cạnh

phía trước

phía sau

mọi người

cùng nhau

khác

mùa xuân

mùa hè

mùa thu

mùa đông

больше

наиболее

меньше

снаружи

очень

никто

близкий

далекий

внутри

рядом

выше

ниже

все

задний

передний

весна

другой

вместе

зима

осень

лето

tháng một

tháng hai

tháng ba

tháng tư

tháng năm

tháng sáu

tháng bảy

tháng tám

tháng chín

tháng mười

tháng mười một

tháng mười hai

bắc

đông

nam

tây

thường xuyên

ngay lập tức

đột ngột

mặc dù

март

февраль

январь

июнь

май

апрель

сентябрь

август

июль

декабрь

ноябрь

октябрь

юг

восток

север

немедленно

часто

запад

хотя

вдруг

## Числа



không

một

hai

ba

bốn

năm

sáu

bảy

tám

chín

mười

mười một

mười hai

mười ba

mười bốn

mười năm

mười sáu

mười bảy

mười tám

mười chín

hai mươi

|    |    |    |
|----|----|----|
| 2  | 1  | 0  |
| 5  | 4  | 3  |
| 8  | 7  | 6  |
| 11 | 10 | 9  |
| 14 | 13 | 12 |
| 17 | 16 | 15 |
| 20 | 19 | 18 |

hai mươi mốt

hai mươi hai

hai mươi sáu

ba mươi

ba mươi mốt

ba mươi ba

ba mươi bảy

bốn mươi

bốn mươi mốt

bốn mươi bốn

bốn mươi tám

năm mươi

năm mươi mốt

năm mươi lăm

năm mươi chín

sáu mươi

sáu mươi mốt

sáu mươi hai

sáu mươi sáu

bảy mươi

bảy mươi mốt

26

22

21

33

31

30

41

40

37

50

48

44

59

55

51

62

61

60

71

70

66

bảy mươi ba

bảy mươi bảy

tám mươi

tám mươi mốt

tám mươi bốn

tám mươi tám

chín mươi

chín mươi mốt

chín mươi lăm

chín mươi chín

một trăm

một trăm linh một

một trăm linh năm

một trăm mười

một trăm năm mươi mốt

hai trăm

hai trăm linh hai

hai trăm linh sáu

hai trăm hai mươi

hai trăm sáu mươi hai

ba trăm

80

77

73

88

84

81

95

91

90

101

100

99

151

110

105

206

202

200

300

262

220

ba trăm linh ba

ba trăm linh bảy

ba trăm ba mươi

ba trăm bảy mươi ba

bốn trăm

bốn trăm linh bốn

bốn trăm linh tám

bốn trăm bốn mươi

bốn trăm tám mươi bốn

năm trăm

năm trăm linh năm

năm trăm linh chín

năm trăm năm mươi

năm trăm chín mươi lăm

sáu trăm

sáu trăm linh một

sáu trăm linh sáu

sáu trăm mười sáu

sáu trăm sáu mươi

bảy trăm

bảy trăm linh hai

330

307

303

404

400

373

484

440

408

509

505

500

600

595

550

616

606

601

702

700

660

bảy trăm linh bảy

bảy trăm hai mươi bảy

bảy trăm bảy mươi

tám trăm

tám trăm linh ba

tám trăm linh tám

tám trăm ba mươi tám

tám trăm tám mươi

chín trăm

chín trăm linh bốn

chín trăm linh chín

chín trăm bốn mươi chín

chín trăm chín mươi

một nghìn

một nghìn không trăm linh  
một

một nghìn không trăm mười  
hai

một nghìn hai trăm ba mươi  
bốn

hai nghìn

hai nghìn không trăm linh hai

hai nghìn không trăm hai  
mười ba

hai nghìn ba trăm bốn mươi  
lăm

770

727

707

808

803

800

900

880

838

949

909

904

1001

1000

990

2000

1234

1012

2345

2023

2002

ba nghìn

ba nghìn không trăm linh ba

bốn nghìn

bốn nghìn không trăm bốn  
mười lăm

năm nghìn

năm nghìn sáu trăm bảy  
mười tám

sáu nghìn

bảy nghìn

bảy nghìn tám trăm chín  
mười

tám nghìn

tám nghìn chín trăm linh một

chín nghìn

chín nghìn không trăm chín  
mười

mười nghìn

mười nghìn không trăm linh  
một

hai mươi nghìn không trăm  
hai mươi

ba mươi nghìn ba trăm

bốn mươi bốn nghìn

một trăm nghìn

năm trăm nghìn

một triệu

4000

3003

3000

5678

5000

4045

7890

7000

6000

9000

8901

8000

10.001

10.000

9090

44.000

30.300

20.020

1.000.000

500.000

100.000

sáu triệu

mười triệu

bảy mươi triệu

một trăm triệu

tám trăm triệu

một tỷ

chín tỷ

mười tỷ

hai mươi tỷ

một trăm tỷ

ba trăm tỷ

một nghìn tỷ

70.000.000

10.000.000

6.000.000

1.000.000.000

800.000.000

100.000.000

20.000.000.000

10.000.000.000

9.000.000.000

1.000.000.000.000

300.000.000.000

100.000.000.000

## Глаголы



biết

nghĩ

đến

đặt

lấy

tìm

nghe

làm việc

nói chuyện

cho

thích

giúp đỡ

yêu

gọi

chờ đợi

đứng

ngồi

đóng

mở  
cửa

thua

thắng

приходить

думать

знать

находить

брать

класть

говорить

работать

слушать

помогать

нравиться

давать

ждать

звонить

любить

закрывать

сидеть

стоять

побеждать

проигрывать

открывать

chết

sống  
động từ

bật

tắt

giết

làm bị thương

chạm

xem

uống

ăn

đi bộ

gặp

đặt cược

hôn  
động từ

đi theo

cười

trả lời

hỏi

kéo

đẩy

ấn

включать

жить

умирать

ранить

убивать

выключать

пить

смотреть

трогать

встречаться

гулять

есть

следовать

целовать

держаться пари

спрашивать

отвечать

жениться

нажимать

толкнуть

потянуть

đánh

bắt

chiến đấu

ném

chạy  
động từ

đọc

viết

sửa chữa

đếm

cắt

bán

mua

trả

học

mơ

ngủ

chơi

ăn mừng

thưởng thức

dọn dẹp

bắn

бороться

ловить

ударить

читать

бежать

бросать

считать

ремонттировать

писать

покупать

продавать

вырезать

мечтать

учиться

платить

праздновать

играть

спать

стрелять

чистить

наслаждаться

bảo vệ

tấn công

trộm

đốt

cứu

bay

khắc nhớ

đá  
động từ

cẩn

thở

ngủ

khóc

hát

cười mỉm

cười

lớn lên

co lại

tranh luận

chia sẻ

cho ăn

trốn

красть

атаковать

защищать

летать

спасать

жесть

кусать

пинать

плевать

плакать

нюхать

дышать

смеяться

улыбаться

петь

спорить

уменьшаться

расти

прятаться

кормить

делиться

cảnh báo

bơi

nhảy

nâng

đào

giao hàng

tìm kiếm

luyện tập

đi du lịch

vẽ

mở  
khóa

khóa

rửa

cầu nguyện

nấu ăn

nôn

la hét

trích dẫn

in

tính toán

kiếm tiền

прыгать

плавать

предупреждать

доставлять

копать

поднимать

путешествовать

тренироваться

искать

закрывать

открывать

рисовать

ГОТОВИТЬ

МОЛИТЬСЯ

МЫТЬ

цитировать

кричать

тошнить

зарабатывать

вычислять

печатать

## Прилагательные



mới

cũ

ít

nhiều

sai

chính xác

xấu

tốt

hạnh phúc

ngắn

dài

nhỏ

lớn  
to

xinh đẹp

trẻ

già

màu trắng

màu đen

màu đỏ

màu xanh da trời

màu xanh lá cây

немногие

старый

новый

правильный

неправильный

многие

счастливый

хороший

плохой

маленький

длинный

короткий

молодой

красивый

большой

черный

белый

старый

зеленый

синий

красный

màu vàng

chậm

nhanh

vui vẻ

không công bằng

công bằng

khó

dễ

giàu

nghèo

khỏe

yếu

an toàn

mệt mỏi

tự hào

no bụng

bệnh

khỏe mạnh

tức giận

thấp  
đại cương

cao  
đại cương

быстрый

медленный

желтый

справедливый

несправедливый

смешной

богатый

легкий

сложный

слабый

сильный

бедный

гордый

уставший

безопасный

здоровый

больной

сытый

высокий

низкий

сердитый

ngọt

chua

mềm

cứng

đáng yêu

ngu ngốc

điên khùng

bận rộn

cao  
người

thấp  
người

lo lắng

ngạc nhiên

cư xử tốt

ác độc

khéo léo

lạnh

nóng

màu cam

màu xám

màu nâu

màu hồng

мягкий

кислый

сладкий

глупый

милый

жесткий

высокий

занятый

сумасшедший

удивленный

обеспокоенный

низкий

умный

злой

воспитанный

оранжевый

горячий

холодный

розовый

коричневый

серый

nhàm chán

nặng

nhẹ

cô đơn

đói bụng

khát nước

buồn

đốc

bằng phẳng

hẹp

rộng

sâu

nông

lớn  
rất

bẩn

sạch sẽ

đầy

trống rỗng

đắt

rẻ

quyến rũ

легкий

тяжелый

скучный

жаждущий

голодный

одинокий

плоский

крутой

грустный

глубокий

широкий

узкий

грязный

огромный

мелкий

пустой

полный

чистый

сексуальный

дешевый

дорогой

lười biếng

dũng cảm

hào phóng

ướt

khô

ồn ào

yên tĩnh

nắng

nhiều mưa

sương mù  
tính từ

nhiều mây

щедрый

храбрый

ленивый

громкий

сухой

влажный

дождливый

солнечный

тихий

облачный

туманный

## Спорт



thể dục dụng cụ

quần vợt

chạy  
đanh từ

đạp xe

đánh golf

bóng đá

bóng rổ

bơi lội

lặn

đi bộ đường dài

chạy marathon

ba môn phối hợp

bóng bàn

cử tạ

quyền anh

cầu lông

trượt băng nghệ thuật

trượt ván tuyết

trượt tuyết

trượt tuyết băng đồng

khúc côn cầu trên băng

бег

теннис

гимнастика

футбол

гольф

езда на велосипеде

дайвинг

плавание

баскетбол

триатлон

марафон

пеший туризм

бокс

тяжелая атлетика

настольный теннис

сноуборд

фигурное катание

бадминтон

хоккей

лыжные гонки

горнолыжный спорт

bóng chuyền

bóng ném

bóng chuyền bãi biển

bóng rugby

bóng gậy

bóng chày

bóng bầu dục Mỹ

bóng nước

nhảy cầu

lướt sóng

đua thuyền buồm

chèo thuyền

yoga

khiêu vũ

nhảy dù

cờ vua

đánh bài poker

bowling

múa ba lê

пляжный волейбол

гандбол

волейбол

бейсбол

крикет

регби

прыжки в воду

водное поло

американский футбол

гребля

парусный спорт

серфинг

парашютный спорт

танцы

йога

боулинг

покер

шахматы

балет

## Животные



con lợn

con bò

con ngựa

con chó

con cừu

con khỉ

con mèo

con gấu

con gà

con vịt

con bướm

con ong

con cá

con nhện

con rắn

con hổ

con chuột

con thỏ

con sư tử

con lừa

con voi

лошадь

корова

свинья

обезьяна

овца

собака

курица

медведь

кошка

пчела

бабочка

утка

змея

паук

рыба

кролик

мышь

тигр

слон

осел

лев

con chim bồ câu

con bọ

con muỗi

con ruồi

con kiến

con cá voi

con cá mập

con cá heo

con ốc sên

con ếch

con gấu trúc

con gấu Bắc cực

con chó sói

con gấu túi

con chuột túi

con hươu cao cổ

con cáo

con hà mã

con dơi

con quạ

con thiên nga

комар

жук

голубь

кит

муравей

муха

улитка

дельфин

акула

белый медведь

панда

лягушка

кенгуру

коала

волк

бегемот

лиса

жираф

лебедь

ворон

летучая мышь

con chim hải âu

con cú

con chim cánh cụt

con vẹt

con sâu bướm

con chuồn chuồn

con mực ống

con bạch tuộc

con cá ngựa

con hải cẩu

con sứa

con cua

con khủng long

con rùa cạn

con cá sấu

ПИНГВИН

сова

чайка

стрекоза

гусеница

попугай

морской конек

осьминог

кальмар

краб

медуза

тюлень

крокодил

черепаха

динозавр

## Страны



Châu Âu

Châu Á

Châu Mỹ

Châu Phi

Vương quốc Anh

Tây Ban Nha

Thụy sĩ

Ý

Pháp

Đức

Thái Lan

Singapore

Nga

Nhật Bản

Israel

Ấn Độ

Trung Quốc

Hoa Kỳ

Mexico

Canada

Chile

Америка

Азия

Европа

Испания

Великобритания

Африка

Франция

Италия

Швейцария

Сингапур

Таиланд

Германия

Израиль

Япония

Россия

Соединенные Штаты  
Америки

Китай

Индия

Чили

Канада

Мексика

Brazil

Argentina

Nam Phi

Nigeria

Ma Rốc

Libya

Kenya

Algeria

Ai Cập

New Zealand

Úc

Южная Африка

Аргентина

Бразилия

Ливия

Марокко

Нигерия

Египет

Алжир

Кения

Австралия

Новая Зеландия

Тело



đầu

mũi

tóc

miệng

tai

mắt

bàn tay

bàn chân

tim

não

cổ

mông

vai

đầu gối

chân

tay

bụng

ngực

lưng

răng

lưỡi

волос

нос

голова

глаз

ухо

рот

сердце

стопа

рука

ягодицы

шея

головной мозг

нога

колени

плечо

грудь

живот

рука

язык

зуб

спина

môi

ngón tay

ngón chân

dạ dày

phổi

gan

dây thần kinh

thận

ruột

trán

cằm

má  
cơ thể

râu

ngón cái

ngón tay út

ngón tay đeo nhẫn

ngón tay giữa

ngón tay trỏ

móng tay

gót chân

xương sống

палец на ноге

палец

губа

печень

легкое

желудок

кишечник

почка

нерв

щека

подбородок

лоб

мизинец

большой палец

борода

указательный палец

средний палец

безымянный палец

позвоночник

пятка

ноготь

cơ bắp

xương  
cơ thể

bộ xương

xương sườn

đốt sống

bàng quang

tĩnh mạch

động mạch

âm đạo

tinh trùng

dương vật

tinh hoàn

скелет

кость

мышца

мочевой пузырь

позвонок

ребро

влагалище

артерия

вена

яичко

пенис

сперма

Дом



cửa

nhà bếp

phòng tắm

phòng khách

phòng ngủ

vườn

gara

tường

tầng hầm

nhà vệ sinh  
nhà ở

cầu thang

mái nhà

cửa sổ  
tòa nhà

dao

tách

ly

đĩa

cốc

thùng rác

tô

bàn  
văn phòng

ванная

кухня

дверь

сад

спальня

гостиная

подвал

стена

гараж

крыша

лестница

туалет

чашка

нож

окно

кружка

тарелка

стакан

письменный стол

миска

корзина для мусора

giường

gương

vòi hoa sen

ghế sofa

ảnh

đồng hồ

bàn  
nhà

ghế  
nhà

hàng xóm

thang máy

ban công

gác xép

ống khói

muỗng gỗ

đũa

bộ dao nĩa

muỗng

nĩa

cái vá

nồi

chảo

душ

зеркало

кровать

часы

картина

диван

сосед

стул

стол

чердак

балкон

лифт

палочка для еды

деревянная ложка

дымовая труба

вилка

ложка

столовые приборы

сковорода

горшок

половник

bóng đèn

giá sách

rèm

nệm

gối

chăn

kệ

ngăn kéo

tủ quần áo

xô

chổi

cái cân

giỏ đựng đồ giặt

bồn tắm

khăn tắm  
to lớn

xà phòng

giấy vệ sinh

khăn tắm  
nhỏ bé

bồn rửa mặt

cái thang

hộp thư

занавеска

книжная полка

лампочка

одеяло

подушка

матрас

гардероб

выдвижной ящик

полка

весы

метла

ведро

банное полотенце

ванна

корзина для белья

полотенце

туалетная бумага

мыло

почтовый ящик

лестница

раковина

hàng rào



Еда



trứng

phô mai

sữa

cá

thịt

xương  
món ăn

dầu

bánh mì

đường  
món ăn

sô cô la

kẹo

bánh bông lan

nước

cà phê

trà

bia

rượu nho

sa lát

súp

món tráng miệng

bữa ăn sáng

молоко

сыр

яйцо

кость

мясо

рыба

сахар

хлеб

масло

торт

конфета

шоколад

чай

кофе

вода

салат

вино

пиво

завтрак

десерт

суп

bữa trưa

bữa tối

pizza

kem

bơ

sữa chua

cá ngừ

cá hồi

giăm bông

thịt ba rọi

xúc xích

thịt gà tây

thịt gà

thịt bò

thịt heo

thịt cừu

bí ngô

nấm

nấm cục

tỏi

tỏi tây

пицца

ужин

обед

йогурт

сливочное масло

мороженое

ветчина

лосось

тунец

индюшати́на

колбаса

бекон

свинина

говядина

курица

гриб

тыква

ягнати́на

лук-поре́й

чеснок

трюфель

gừng

cà tím

khoai lang

cà rốt

dưa chuột

ớt

ớt chuông

củ hành

khoai tây

bông cải trắng

bắp cải

bông cải xanh

xà lách

rau chân vịt

tre

ngô

cần tây

đậu Hà Lan

hạt đậu

quả lê

quả táo

сладкий картофель

баклажан

имбирь

перец чили

огурец

морковь

картошка

лук

перец

брокколи

капуста

цветная капуста

бамбук

шпинат

салат

горох

сельдерей

кукуруза

яблоко

груша

фасоль

quả ô liu

quả sung

quả chà là

quả dừa

quả hạnh nhân

hạt phỉ

đậu phộng

quả chuối

quả xoài

quả kiwi

quả bơ

quả dưa

dưa hấu

quả nho

dưa gang

quả mâm xôi

quả việt quất

quả dâu tây

quả anh đào

quả mận

quả mơ

финик

инжир

оливка

лесной орех

миндаль

кокос

манго

банан

арахис

ананас

авокадо

киви

дыня

виноград

арбуз

клубника

черника

малина

абрикос

слива

вишня

quả đào

quả chanh

quả bưởi

quả cam

cà chua

bạc hà

sả

quế

vani

muối

tiêu

cà ri

thuốc lá  
thực vật

đậu hũ

giấm

mì sợi

sữa đậu nành

bột mì

gạo

yến mạch

lúa mì

грейпфрут

лимон

персик

мята

помидор

апельсин

ваниль

корица

лемонграсс

карри

перец

соль

уксус

тофу

табак

мука

соевое молоко

лапша

пшеница

овсянка

рис

đậu nành

hạt

mật ong

mứt

kẹo cao su

bánh kẹp

bánh quy

bánh pudding

bánh muffin

bánh rán vòng

nước tăng lực

nước cam

nước táo

sữa lắc

coca cola

sô cô la nóng

rượu cocktail

rượu rum

rượu whisky

rượu vodka

thực đơn

мед

орех

соя

блин

жевательная резинка

варенье

кекс

пудинг

печенье

апельсиновый сок

энергетический напиток

пончик

кола

молочный коктейль

яблочный сок

ром

коктейль

горячий шоколад

меню

водка

виски

hải sản

mì Ý

sushi

bắp rang bơ

khoai tây lát mỏng

cánh gà

khoai tây chiên

mù tạt

sốt mayonnaise

nước sốt cà chua

bánh mì kẹp

bánh mì kẹp xúc xích

bánh burger

суши

спагетти

морепродукты

куриные крылышки

чипсы

попкорн

майонез

горчица

картофель-фри

хот-дог

сэндвич

кетчуп

бургер

Школа



sách

thư viện

bài tập về nhà

bài thi

bài học

khoa học

lịch sử

nghệ thuật

cây bút

bút chì

thứ nhất

thứ hai  
2

thứ ba  
3

thứ tư  
4

nghiên cứu

bằng cấp

sân thể thao

từ điển

học kì

sổ tay

hình học

домашнее задание

библиотека

книга

наука

урок

экзамен

ручка

изобразительное искусство

история

второй

первый

карандаш

исследование

четвертый

третий

словарь

спортивная площадка

степень

геометрия

тетрадь

семестр

chính trị học

triết học

kinh tế học

giáo dục thể chất

sinh học

toán học

địa lý

văn học

hóa học

vật lý

cải thước

cục tẩy

cái kéo

băng dính

keo dán

bút bi

kẹp giấy

ba phần trăm

một trăm phần trăm

không phần trăm

mét khối

экономика

философия

политика

математика

биология

физическая культура

химия

литература

география

ластик

линейка

физика

клей

скотч

ножницы

3%

скрепка

шариковая ручка

кубический метр

0%

100%

mét vuông

dặm

mét

mi-li-mét

xen-ti-mét

đề-xi-mét

phép cộng

phép trừ

phép nhân

phép chia

diện tích

thể tích

hình chữ nhật

hình vuông

tam giác

hình tròn

lít

mililít

tấn

kilôgam

gram

метр

миля

квадратный метр

дециметр

сантиметр

миллиметр

умножение

вычитание

сложение

объем

площадь

деление

треугольник

квадрат

прямоугольник

миллилитр

литр

круг

грамм

килограмм

тонна

nam châm

kính hiển vi

cái phễu

phòng thí nghiệm

bài giảng

воронка

микроскоп

магнит

лекция

лаборатория

## Природа



tro

lửa

kim cương

mặt trăng

mặt trời

ngôi sao

hành tinh

bờ biển  
biển

hồ

rừng

sa mạc

đồi núi

đá  
danh từ

con sông

thung lũng

núi

đảo

đại dương

biển

băng

tuyết

алмаз

огонь

пепел

звезда

солнце

Луна

озеро

побережье

планета

холм

пустыня

лес

долина

река

утес

океан

остров

гора

снег

лед

море

bão táp

mưa

gió

cây

cỏ

hoa hồng

hoa

kim loại

đất

dung nham

than

cát

đất sét

tên lửa

vệ tinh

thiên hà

tiểu hành tinh

lục địa

đường Xích đạo

Nam cực

Bắc cực

ветер

дождь

буря

роза

трава

дерево

почва

металл

цветок

песок

уголь

лава

спутник

ракета

глина

континент

астероид

галактика

Северный полюс

Южный полюс

экватор

suối

rừng nhiệt đới

hang

thác nước

bờ biển  
con sông

sông băng

động đất

miệng núi lửa

núi lửa

khí quyển

lũ lụt

sương mù  
danh từ

cầu vồng

tiếng sấm

tia chớp

cơn dông

nhiệt độ

bão nhiệt đới

bão

mây

cành cây

пещера

тропический лес

ручей

ледник

берег

водопад

вулкан

кратер

землетрясение

туман

наводнение

атмосфера

молния

гром

радуга

тайфун

температура

гроза

ветвь

облако

ураган

lá cây

rễ cây

thân cây

hạt giống

nhựa

cacbon đioxit

nguyên tử

sắt

ôxy

vàng

bạc

ствол

корень

лист

углекислый газ

пластик

семя

кислород

железо

атом

серебро

золото

## Транспорт



xe hơi

xe buýt

xe lửa

ga xe lửa

trạm dừng xe buýt

máy bay

tàu

xe tải

xe đạp

xe mô tô

xe taxi

đèn giao thông

bãi đậu xe

đường  
xe hơi

ắc quy

động cơ  
xe hơi

túi khí

vô-lăng

dây an toàn

lốp xe

cốp sau

поезд

автобус

автомобиль

самолет

автобусная остановка

железнодорожная станция

велосипед

грузовик

корабль

светофор

такси

мотоцикл

аккумулятор

дорога

автомобильная стоянка

руль

подушка безопасности

двигатель

багажник

шина

ремень безопасности

máy bán vé

phòng bán vé

tàu điện ngầm

tàu cao tốc

đầu máy

xe điện

xe buýt trường học

xe buýt nhỏ

sân bay

hãng hàng không

máy bay trực thăng

hạng nhất

hạng phổ thông

hạng thương gia

áo phao

công ten nơ

tàu ngầm

tàu du lịch

tàu chở hàng

du thuyền

phà

метро

билетная касса

автомат по продаже  
билетов

трамвай

локомотив

высоко скоростной поезд

аэропорт

микроавтобус

школьный автобус

первый класс

вертолет

авиакомпания

спасательный жилет

бизнес-класс

эконом-класс

круизное судно

подводная лодка

контейнер

паром

яхта

грузовое судно

hải cảng

xuồng cứu sinh

ra đa

đèn đường

vĩa hè

trạm xăng

công trường

vạch qua đường

tắc đường

đường cao tốc

xe tăng

máy xúc

máy kéo

rơ-moóc

xe tay ga

xe cáp treo

радар

спасательная шлюпка

гавань

заправка

тротуар

уличное освещение

пробка

пешеходный переход

строительная площадка

экскаватор

танк

автомагистраль

мопед

прицеп

трактор

фуникулер

Город



bệnh viện

trường học

nhà ở

hóa đơn

chợ

siêu thị

căn hộ

trường đại học

nông trại

nhà thờ

nhà hàng

quán bar

phòng thể dục

công viên

nhà vệ sinh  
đại cương

bản đồ

xe cứu thương

cảnh sát  
đại cương

lính cứu hỏa  
đại cương

quốc gia

ngoại ô

дом

школа

больница

супермаркет

рынок

счет

ферма

университет

квартира

бар

ресторан

церковь

туалет

парк

тренажерный зал

полиция

скорая помощь

карта

пригород

страна

пожарные

ngôi làng

bảo hành

trung tâm mua sắm

tiệm thuốc

tòa nhà chọc trời

lâu đài

đại sứ quán

giáo đường Do Thái

ngôi đền

nhà máy

nhà thờ Hồi giáo

tòa thị chính

bưu điện

đài phun nước

câu lạc bộ đêm

băng ghế

sân golf

sân bóng đá

hồ bơi  
tòa nhà

sân quần vợt

thông tin du lịch

торговый центр

гарантия

деревня

замок

небоскреб

аптека

храм

синагога

посольство

ратуша

мечеть

завод

ночной клуб

фонтан

почта

футбольный стадион

поле для гольфа

скамейка

информация для туристов

теннисный корт

бассейн

sòng bạc

phòng triển lãm nghệ thuật

bảo tàng

công viên quốc gia

quà lưu niệm

thủy cung

trượt nước

tàu lượn siêu tốc

công viên nước

vườn bách thú

sân chơi

cửa thoát hiểm  
tòa nhà

chuông báo cháy

bình cứu hỏa

đồn cảnh sát

tiểu bang

khu vực

thủ đô

музей

галерея искусств

казино

аквариум

сувенир

национальный парк

аквапарк

американские горки

водная горка

запасный выход

детская площадка

зоопарк

полицейский участок

огнетушитель

пожарная тревога

столица

область

государство

Больница



tai nạn

bệnh nhân

phẫu thuật

viên thuốc

sốt

ho

phòng cấp cứu

khoa hồi sức tích cực

phòng chờ

thuốc aspirin

thuốc ngủ

ngày hết hạn

liều lượng

si-rô ho

tác dụng phụ

insulin

bột

viên nhộng

vitamin

thuốc giảm đau

kháng sinh

хирургия

пациент

авария

кашель

лихорадка

пилюля

зал ожидания

отделение интенсивной  
терапии

отделение скорой помощи

срок годности

снотворное

аспирин

побочный эффект

сироп от кашля

дозировка

капсула

порошок

инсулин

антибиотики

болеутоляющее средство

витамин

vi khuẩn

vi rút

đau tim

tiêu chảy

tiểu đường

đột quỵ

hen suyễn

ung thư

cúm

đau răng

cháy nắng

viêm họng

đau bụng

nhiễm trùng

dị ứng

chует rút

đau đầu

ống tiêm

nặng

chụp X quang

máy siêu âm

инфаркт

вирус

бактерия

инсульт

диабет

понос

грипп

рак

астма

боль в горле

солнечный ожог

зубная боль

аллергия

инфекционное  
заболевание

боль в животе

шприц

головная боль

судорога

ультразвуковой аппарат

рентгеновский снимок

КОСТЫЛЬ

bó bột  
nhỏ bé

xe lăn

bó bột  
gãy xương

mạch

chấn thương

cấp cứu

chấn động

vết bỏng

gãy xương

thuốc tránh thai

thử thai

гипсовая повязка

инвалидная коляска

пластырь

экстренный случай

травма

пульс

перелом

ожог

сотрясение

тест на беременность

противозачаточная таблетка

## Профессии



bác sĩ

y tá

cảnh sát  
người

tổng thống

thuyền trưởng

thám tử

phi công

giáo sư

giáo viên

luật sư

thư ký

trợ lý

thẩm phán

quản lý

đầu bếp

tài xế taxi

tài xế xe buýt

người mẫu

nghệ sĩ

thủ tướng

dược sĩ

полицейский

медсестра

врач

детектив

капитан

президент

учитель

профессор

пилот

помощник

секретарь

адвокат

повар

менеджер

судья

модель

водитель автобуса

водитель такси

фармацевт

премьер-министр

художник

lính cứu hỏa  
người

nha sĩ

doanh nhân

chính trị gia

lập trình viên

tiếp viên hàng không

nhà khoa học

giáo viên mầm non

kiến trúc sư

kế toán viên

tư vấn viên

công tố viên

tổng quản lý

vệ sĩ

chủ nhà

bồi bàn

nhân viên bảo vệ

bộ đội

ngư dân

nhân viên vệ sinh

thợ sửa ống nước

предприниматель

дантист

пожарный

стюардесса

программист

политик

архитектор

воспитатель детского сада

ученый

прокурор

консультант

бухгалтер

арендодатель

телохранитель

генеральный директор

солдат

охранник

официант

водопроводчик

уборщик

рыбак

thợ điện

nông dân

lễ tân

người đưa thư

thu ngân

thợ làm tóc

tác giả

nhà báo

nhà nhiếp ảnh gia

nhân viên cứu hộ

ca sĩ

nhạc sĩ

diễn viên

phóng viên

huấn luyện viên

trọng tài

секретарь в приемной

фермер

электрик

парикмахер

кассир

почтальон

фотограф

журналист

автор

музыкант

певец

спасатель

тренер

репортер

актер

арбитр

Бизнес



tiền

văn phòng

áp lực

bảo hiểm

nhân viên  
công ty

bộ phận

lương

địa chỉ

lá thư

số điện thoại

url

địa chỉ email

trang mạng

thư điện tử

chữ ký

thua lỗ

lợi nhuận

khách hàng

số tiền

thẻ tín dụng

mật khẩu

стресс

офис

деньги

отдел

персонал

страхование

письмо

адрес

зарплата

адрес электронной почты

URL

номер телефона

подпись

электронная почта

веб-сайт

клиент

прибыль

потеря

пароль

кредитная карточка

сумма

máy rút tiền

thuế

phòng họp

danh thiếp

công nghệ thông tin

nhân sự

bộ phận pháp lý

kế toán

tiếp thị

bán hàng

đồng nghiệp

người sử dụng lao động

nhân viên  
người

chú thích

thuyết trình

bìa cứng

con dấu cao su

máy chiếu

bưu kiện

con tem

phong bì

комната для переговоров

налог

банкомат

отдел кадров

ИТ

визитная карточка

маркетинг

учет

юридический отдел

работодатель

коллега

продажи

презентация

заметка

наемный рабочий

проектор

штамп

папка

конверт

почтовая марка

посылка

trình duyệt

đầu tư

sàn giao dịch chứng khoán

tiền giấy

tiền xu

tiền lãi

khoản vay

số tài khoản

tài khoản ngân hàng

фондовая биржа

инвестиция

браузер

процент

монета

банкнота

банковский счёт

номер счёта

заем

## Устройства



điện thoại

bộ tivi

máy ảnh

đài radio

quạt

máy điều hòa

máy pha cà phê

máy nướng bánh mì

máy hút bụi

máy sấy tóc

ấm đun nước

máy rửa chén

bếp điện

lò nướng

lò vi sóng

tủ lạnh

máy giặt

điều khiển từ xa

tai nghe

chuột

bàn phím

камера

телевизор

телефон

кондиционер

вентилятор

радио

пылесос

тостер

кофеварка

посудомоечная машина

чайник

фен

микроволновая печь

духовка

плита

дистанционное управление

стиральная машина

холодильник

клавиатура

мышь

наушник

ổ cứng

thanh USB

máy quét

máy in

màn hình

máy tính xách tay

rô bốt

loa

сканер

флешка

жесткий диск

ноутбук

экран

принтер

громкоговоритель

робот